

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ CHÍNH THỨC

MÔN THI: ĐỊA LÝ
Bản hướng dẫn chấm có 4 trang

I. PHẦN BẮT BUỘC	5 ĐIỂM															
Câu 1	(3,5 điểm)															
<p>a. Vẽ biểu đồ Yêu cầu: Đảm bảo tính chính xác, rõ ràng. Biểu đồ bình quân sản lượng lúa theo đầu người của đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long trong thời kì 1985 - 2000.</p> <table border="1"> <caption>Biểu đồ bình quân sản lượng lúa theo đầu người (kg/người)</caption> <thead> <tr> <th>Năm</th> <th>Đồng bằng sông Hồng</th> <th>Đồng bằng sông Cửu Long</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>1985</td> <td>233</td> <td>503</td> </tr> <tr> <td>1990</td> <td>260</td> <td>694</td> </tr> <tr> <td>1995</td> <td>321</td> <td>760</td> </tr> <tr> <td>2000</td> <td>387</td> <td>1020</td> </tr> </tbody> </table>	Năm	Đồng bằng sông Hồng	Đồng bằng sông Cửu Long	1985	233	503	1990	260	694	1995	321	760	2000	387	1020	2 điểm
Năm	Đồng bằng sông Hồng	Đồng bằng sông Cửu Long														
1985	233	503														
1990	260	694														
1995	321	760														
2000	387	1020														
<p>b. Nhận xét - Bình quân sản lượng lúa theo đầu người của đồng bằng sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long đều tăng. - Đồng bằng sông Hồng tăng 154 kg/người (gần 1,7 lần), đồng bằng sông Cửu Long tăng 517 kg/người (2 lần).</p>	<p>(0,5 điểm) 0,25 0,25</p>															
<p>c. Giải thích - Đồng bằng sông Cửu Long là đồng bằng châu thổ rộng lớn nhất nước ta và có diện tích đất trồng lúa lớn nhất trong các vùng. Đất phù sa được bồi đắp hàng năm rất màu mỡ. Khí hậu cận xích đạo nóng quanh năm, nguồn nhiệt ẩm dồi dào, ít thiên tai. Hệ thống sông ngòi, kênh rạch dày đặc thuận lợi cho việc sản xuất lúa. - Số dân của đồng bằng sông Cửu Long chưa đông, mật độ dân số của đồng bằng sông Cửu Long chỉ bằng 1/3 so với đồng bằng sông Hồng. - Diện tích tự nhiên và diện tích đất trồng lúa của đồng bằng sông Hồng gần bằng 1/3 so với đồng bằng sông Cửu Long. Khí hậu, thời tiết diễn biến bất thường, hay có thiên tai. - Đồng bằng sông Hồng lại chịu sức ép của vấn đề dân số (dân số đông, mật độ cao, gia tăng dân số còn nhanh).</p>	<p>(1,0 điểm) 0,25 0,25 0,25 0,25</p>															
Câu 2	(1,5 điểm)															
<p>Nhận xét sự thay đổi cơ cấu dân số theo nhóm tuổi : Cơ cấu dân số nước ta có sự thay đổi (xu hướng chuyển từ kết cấu dân số trẻ sang kết cấu dân số già) : - Tỷ trọng nhóm tuổi 0-14 tuổi giảm nhanh (9 %). - Tỷ trọng nhóm tuổi 15-59 tuổi tăng khá nhanh (8 %).</p>	<p>0,25 0,25 0,25</p>															

<p>- Tỷ trọng nhóm tuổi từ 60 tuổi trở lên tăng chậm (1 %).</p> <p>Giải thích nguyên nhân :</p> <p>- Do kết quả của việc thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình, tỉ lệ sinh ở nước ta đã giảm.</p> <p>- Tuổi thọ trung bình tăng lên rõ rệt.</p>	<p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
<p>II. PHẦN TỰ CHỌN</p>	<p>5 ĐIỂM</p>
<p>ĐỀ 1</p> <p>a. Trình bày sự phân hoá lãnh thổ công nghiệp ở đồng bằng sông Hồng và vùng phụ cận.</p> <p>- Mức độ tập trung công nghiệp : Vào loại cao nhất cả nước.</p> <p>- Kể tên các trung tâm công nghiệp ở đồng bằng sông Hồng và vùng phụ cận:...</p> <p>- Từ Hà Nội công nghiệp toả đi theo các hướng với các ngành chuyên môn hoá khác nhau của từng trung tâm công nghiệp và cụm công nghiệp :</p> <p>+ Hướng đông : Hà Nội - Hải Dương - Hải Phòng - Hạ Long - Cẩm Phả (cơ khí, chế biến thực phẩm, khai thác than, vật liệu xây dựng).</p> <p>+ Hướng đông bắc : Hà Nội - Bắc Ninh - Bắc Giang (vật liệu xây dựng, hoá chất phân bón).</p> <p>+ Hướng bắc : Hà Nội -Thái Nguyên (luyện kim đen)</p> <p>+ Hướng tây bắc : Hà Nội - Phúc Yên -Việt Trì (hoá chất, giấy xenlulô chế biến thực phẩm).</p> <p>+ Hướng tây nam : Hà Nội - Hà Đông - Hoà Bình (thủy điện).</p> <p>+ Hướng nam và đông nam : Hà Nội - Hưng Yên - Nam Định - Ninh Bình – Thanh Hoá (cơ khí, dệt may, nhiệt điện, vật liệu xây dựng).</p>	<p>(5 điểm)</p> <p>(2,5 điểm)</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>
<p>b. Những nhân tố ảnh hưởng đến sự phân hoá lãnh thổ ở đồng bằng sông Hồng.</p> <p>- Vị trí địa lí : Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, có thủ đô Hà Nội nên có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế nói chung và công nghiệp nói riêng.</p> <p>- Nằm trong vùng trọng điểm lương thực, thực phẩm lớn thứ hai của cả nước nên có nguồn nguyên liệu dồi dào từ sản phẩm của ngành trồng trọt, chăn nuôi, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.</p> <p>- Cơ sở hạ tầng phát triển mạnh với các tuyến giao thông huyết mạch đường bộ, đường sắt.</p> <p>- Tập trung nhiều đô thị lớn, đông dân và có nguồn lao động kĩ thuật đông đảo.</p> <p>- Cơ cấu ngành công nghiệp khá đa dạng.</p>	<p>(2,5 điểm)</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p> <p>0,5</p>
<p>ĐỀ 2</p> <p>Câu 1</p>	<p>5 điểm</p> <p>(4 điểm)</p>
<p>Thế mạnh và khó khăn trong việc khai thác, chế biến khoáng sản và thủy điện ở vùng trung du và miền núi phía Bắc nước ta.</p> <p>- Là vùng có khoáng sản và trữ năng thủy điện lớn nhất nước ta.</p> <p>a. Khai thác, chế biến khoáng sản.</p> <p>- Thuận lợi</p> <p>+ Về năng lượng : Chủ yếu là than antraxit, tập trung tại Quảng Ninh với trữ lượng lớn.</p> <p>+ Về kim loại :</p>	<p>(2,5 điểm)</p> <p>0,25</p> <p>0,25</p>

<ul style="list-style-type: none"> • Sắt (Yên Bái). • Đồng - ni ken (Sơn La). • Đất hiếm (Lai Châu). • Thiếc - bô xít (Cao Bằng), mỗi năm khai thác khoảng 1000 tấn phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu. • Chì - kẽm (Bắc Cạn). • Đồng - vàng (Lào Cai). 	0,25 0,25 0,25 0,25 0,25 0,25
<p>+ Phi kim loại :</p> <p>Chủ yếu là Apatít (Lào Cai), mỗi năm khai thác khoảng 600 nghìn tấn quặng phục vụ cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu.</p>	0,25
<p>- Khó khăn</p> <p>Đa số mỏ quặng nằm ở nơi kết cấu hạ tầng giao thông vận tải chưa phát triển. Các vỉa quặng thường nằm sâu trong lòng đất nên việc khai thác đòi hỏi chi phí sản xuất cao và các phương tiện hiện đại.</p>	0,25 (1,5 điểm)
<p>b. Thủy điện</p> <p>- Thuận lợi</p> <p>+ Trữ năng thủy điện của hệ thống sông Hồng là 11 triệu kw, riêng sông Đà là gần 6 triệu kw.</p> <p>+ Hiện đã xây dựng :</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thủy điện Thác Bà trên sông Chảy, công suất 110 nghìn kw. • Thủy điện Hoà Bình trên sông Đà, công suất 1,9 triệu kw. 	0,25 0,25
<p>- Dự kiến xây dựng :</p> <ul style="list-style-type: none"> • Thủy điện Sơn La trên sông Đà, công suất 3,6 triệu kw. • Thủy điện Đại Thị trên sông Gâm , công suất 250 nghìn kw. 	0,25 0,25
<p>- Khó khăn</p> <p>Việc xây dựng các công trình thủy điện lớn sẽ gây ngập lụt nhiều vùng rộng lớn, làm thay đổi môi trường xung quanh, vì vậy phải chú ý bảo vệ môi sinh.</p>	0,25
<p>Câu 2</p> <p>Ý nghĩa của việc phát huy các thế mạnh ở vùng trung du và miền núi phía Bắc</p>	1 điểm
<p>- Về kinh tế : Góp phần khai thác, sử dụng hợp lí các nguồn tài nguyên thiên nhiên.</p>	0,25
<p>- Về xã hội : Nâng cao đời sống của nhân dân, xoá bỏ dần sự cách biệt giữa đồng bằng và miền núi.</p>	0,25
<p>- Về chính trị : Củng cố khối đoàn kết giữa các dân tộc.</p>	0,25
<p>- Về quốc phòng : Giữ vững an ninh vùng biên giới.</p>	0,25

MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý KHI CHẤM BÀI

I. PHẦN BẮT BUỘC

Câu 1.

- Nếu thí sinh vẽ biểu đồ khác biểu đồ cột thì không cho điểm
- Thí sinh bị trừ điểm nếu :
 - + Thiếu tên biểu đồ trừ 0,25 điểm
 - + Thiếu đơn vị trên trục tung, trục hoành trừ 0,25 điểm
 - + Không ghi các chỉ số trên đỉnh cột, không ghi năm dưới chân cột trừ 0,25 điểm
 - + Khoảng cách giữa các nhóm cột nếu không tương ứng với khoảng cách năm trừ 0,25 điểm
- Ở phần giải thích nếu thí sinh so sánh tương quan về tỉ trọng sản lượng lúa và dân số so với cả nước của hai đồng bằng theo bảng số liệu sau :

Tỉ trọng sản lượng lúa và dân số của đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long so với cả nước (%)

Vùng	Sản lượng lúa	Dân số
Đồng bằng sông Hồng	18,1	19,4
Đồng bằng sông Cửu Long	52,0	21,1
Cả nước	100	100

để giải thích đồng bằng sông Cửu Long luôn có bình quân lúa theo đầu người cao hơn so với đồng bằng sông Hồng thì giáo viên có thể cho 0,5 điểm (điểm tối đa phân giải thích là 1 điểm)

Câu 2 : Không cần giải thích thêm.

II PHẦN TỰ CHỌN

ĐỀ 1

Câu a

- Hướng dẫn chấm làm theo Atlas Địa lí Việt Nam mới tái bản lần thứ 8 đã có sửa đổi so với Atlas Địa lí Việt Nam tái bản lần thứ 5,6,7. Nếu thí sinh làm bài theo Atlas Địa lí Việt Nam tái bản trước đây (lần thứ 5,6,7), mà vẫn đủ nội dung như yêu cầu của đề bài ở câu a thì vẫn cho điểm tối đa.

Câu b

- Trường hợp thí sinh có thể nêu thêm các nhân tố khác như :

- + Tập trung nguồn vốn đầu tư nước ngoài.
- + Sự quan tâm của Nhà nước vì là vùng trọng điểm đầu tư.

Giáo viên có thể cho mỗi ý 0,5 điểm nếu tổng số điểm của câu b chưa đạt điểm tối đa.

ĐỀ 2

Câu 1

- Trong trường hợp thí sinh khi trình bày tên các mỏ khoáng sản có thể nêu tên mỏ ở địa phương khác, thí dụ như nêu tên mỏ sắt ở Thái nguyên hoặc Hà Giang thì cũng vẫn cho điểm 0,25 điểm như hướng dẫn chấm (mỏ sắt ở Yên Bái).

Lưu ý :

- *Thí sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng đảm bảo đủ ý thì vẫn cho điểm tối đa.*

- *Cộng điểm toàn bài rồi mới làm tròn điểm bài thi đến nửa điểm theo quy định.*